

Bản án số: 0421/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2025

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hải

2. Bà Nguyễn Thị Huỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1404/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: D K, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: C P, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyền số 01/2012 ngày 06/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, cả hai bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nguyễn Ngọc C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn Minh H1, sinh ngày 31/8/2012 và trẻ Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06/11/2015. Bà Nguyễn Ngọc C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 2 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc C tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng H thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Ngọc C về quan hệ hôn nhân, quan hệ tài sản chung và nợ chung. Ông Nguyễn Hoàng H đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn Minh H1, sinh ngày 31/8/2012 và trẻ Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06/11/2015.

Ông Nguyễn Hoàng H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Minh H1, đến khi thành niên và giao trẻ Nguyễn Minh H2 cho bà Nguyễn Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông H và bà C tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 02/01/2025, Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa ông H và bà C. Ngày 08/01/2025, ông H có văn bản trình bày về việc thay đổi ý kiến đối với sự thỏa thuận ngày 02/01/2025 nêu trên. Ông H yêu cầu đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với bà C.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Ông Nguyễn Hoàng H vắng mặt dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hoàng H hiện đang cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn

Hoàng H vắng mặt. Mặc dù ông H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với bà C nhưng vẫn vắng mặt nên ông H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do các đương sự cung cấp, do Tòa án thu thập theo Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông H.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2012 ngày 06/6/2012 của Ủy ban nhân dân phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Hoàng H là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ mọi việc trong cuộc sống nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà C và ông H không còn sự chia sẻ lẫn nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Mặt khác, tình cảm của bà C dành cho ông H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà C để ổn định cuộc sống là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 201, quyển 02/2012 ngày 18/9/2012 và Giấy khai sinh số 210/2015, quyển 02/2015 ngày 18/11/2015 của Ủy ban nhân dân phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định bà C và ông H có 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Minh H1, sinh ngày 31/8/2012 và trẻ Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06/11/2015.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con của bà C. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thương yêu con, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

Ngoài ra, cha mẹ còn có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Ông H yêu cầu đoàn tụ nhưng không có mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án. Do đó ông H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Yêu cầu của bà C được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là hoàn toàn chính đáng và phù hợp nên Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Minh H1 và trẻ Nguyễn Minh H2 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự khai không có, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Bà Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 267; Điều 271; và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Hoàng H.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Hoàng H có 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Minh H1, sinh ngày 31/8/2012 và trẻ Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06/11/2015.

Giao trẻ Nguyễn Minh H1 và trẻ Nguyễn Minh H2 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà C và ông H đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Hoàng H tự khai không có, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

2. Về án phí Tòa án:

Bà Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn đồng), nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0055172 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CCTHADS quận Phú Nhuận;
- UBND phường N,
Quận A, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh